TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

Số: 63381/CT-TTHT
V/v hướng dẫn khấu trừ thuế TNCN.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: Viện Khoa học Lao động và Xã hội
Địa chỉ: số 2 Đinh Lễ, Hoàn Kiếm, TP Hà Nội; MST: 0101791037

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 350/KHLĐ-VP ngày 16/07/2019 của Viện Khoa học Lao động và Xã hội (sau đây gọi là "Viện") hỏi về hướng dẫn khấu trừ thuế TNCN. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.

+ Tại Điều 1 quy định về người nộp thuế:

"Người nộp thuế là cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú theo quy định tại Điều 2 Luật Thuế thu nhập cá nhân, Điều 2 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 65/2013/NĐ-CP), có thu nhập chịu thuế theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP.

Phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của người nộp thuế như sau:

Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập."

+ Tại Khoản 2, Điều 2 quy định về các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công:

"2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công

Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền.

…

đ.4) Phần khoán chi văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại, trang phục,... cao hơn mức quy định hiện hành của Nhà nước...”

+ Tại Khoản 1, Điều 18 quy định về thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công:

“Điều 18. Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương; tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (x) với thuế suất 20%.

2. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định như đối với thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

Việc xác định thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công tại Việt Nam trong trường hợp cá nhân không cư trú làm việc đồng thời ở Việt Nam và nước ngoài nhưng không tách riêng được phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam thực hiện theo công thức sau:

…

Thu nhập chịu thuế khác (trước thuế) phát sinh tại Việt Nam tại điểm a, b nêu trên là các khoản lợi ích khác bằng tiền hoặc không bằng tiền mà người lao động được hưởng ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả hoặc trả hộ cho người lao động.”

+ Tại Điều 25 quy định:

“1. Khấu trừ thuế

Khấu trừ thuế là việc tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện tính trừ số thuế phải nộp vào thu nhập của người nộp thuế trước khi trả thu nhập

a) Thu nhập của cá nhân không cư trú

Tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập chịu thuế cho cá nhân không cư trú có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trước khi trả thu nhập, số thuế phải khấu trừ được xác định theo hướng dẫn tại Chương III (từ Điều 17 đến Điều 23) Thông tư này.

b) Thu nhập từ tiền lương, tiền công

...b.3) Đối với cá nhân là người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập căn cứ vào thời gian làm việc tại Việt Nam của người nộp thuế ghi trên Hợp đồng hoặc văn bản cử sang làm việc tại Việt Nam để tạm khấu trừ thuế theo Biểu lũy tiến từng phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam từ 183 ngày trong năm tính thuế) hoặc theo Biểu thuế toàn phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế).

…

b.5) Số thuế phải khấu trừ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú được xác định theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư này; của cá nhân không cư trú được xác định theo Điều 18 Thông tư này.

…

i) Khấu trừ thuế đối với một số trường hợp khác

Các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động (theo hướng dẫn tại điểm c, d, khoản 2, Điều 2 Thông tư này) hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân.

2. Chứng từ khấu trừ

a) Tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập đã khấu trừ thuế theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều này phải cấp chứng từ khấu trừ thuế theo yêu cầu của cá nhân bị khấu trừ: Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ."

- Căn cứ Quy chế Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA (Ban hành kèm theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

+ Tại Điều 1 quy định đối tượng và phạm vi áp dụng

"1. Quy chế này áp dụng cho đối tượng là chuyên gia nước ngoài tham gia quản lý và thực hiện các chương trình, dự án ODA tại Việt Nam và thành viên gia đình của họ.

Quy chế này áp dụng đối với các chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)..."

+ Tại Điều 3 hướng dẫn một số từ ngữ sử dụng trong Quy chế này được hiểu như sau

"Điều 3. Giải thích từ ngữ

...5. "Chuyên gia nước ngoài" (sau đây gọi tắt là chuyên gia) là người không có quốc tịch Việt Nam vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, theo dõi đánh giá, quản lý và thực hiện chương trình, dự án ODA theo quy định hay thỏa thuận trong các Điều ước quốc tế về ODA đã ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền của Bên Việt Nam và Bên nước ngoài. Họ vào Việt Nam theo các hình thức sau:

a) Bên nước ngoài tuyển chọn và ký hợp đồng với chuyên gia hoặc nhà thầu (công ty) mà chuyên gia thuộc danh sách tư vấn trong tài liệu đấu thầu của nhà thầu (công ty) trên cơ sở kết quả đấu thầu được cấp có thẩm quyền của Bên nước ngoài phê duyệt và phía Việt Nam chấp nhận;

b) Bên Việt Nam tuyển chọn và ký hợp đồng với chuyên gia hoặc nhà thầu (công ty) mà chuyên gia thuộc danh sách tư vấn trong tài liệu đấu thầu của nhà thầu (công ty) trên cơ sở kết quả đấu thầu được cấp có thẩm quyền của Bên Việt Nam phê duyệt và phía nước ngoài chấp thuận."

+ Tại Khoản 2 Điều 7 quy định về miễn thuế thu nhập

"2. Miễn thuế thu nhập:

Trong thời gian công tác tại Việt Nam, chuyên gia nước ngoài được miễn thuế TNCN đối với các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện chương trình, dự án ODA"

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-KHĐT-BTC ngày 25/05/2010 giữa Bộ Kế hoạch và đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn quy chế chuyên gia của nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo quyết định số 119/2009/QĐ-TTG ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng chính phủ.

Căn cứ quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Viện Khoa học Lao động và Xã hội khoán chi tiền đi lại cho cán bộ không hưởng lương của Viện, không phải là người lao động ký hợp đồng từ 03 tháng trở lên thì:

+ Tính vào thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công của người lao động đối với khoản tiền công tác phí, ăn ở, đi lại. Khi trả thu nhập tổ chức chi trả thu nhập phải thực hiện khấu trừ thuế theo mức 10% đối với các khoản chi từ hai triệu (2.000.000) đồng/ lần trở lên;

+ Nếu cá nhân không cư trú thì khấu trừ 20% theo quy định tại Khoản 1, Điều 18, Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

Trường hợp cá nhân là chuyên gia nước ngoài theo quy định tại Khoản 5, Điều 3, Quy chế Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA (ban hành kèm theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg) thì được miễn thuế TNCN đối với các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện chương trình, dự án ODA. Hồ sơ xác nhận chuyên gia, thủ tục xác nhận chuyên gia và thủ tục hồ sơ miễn thuế TNCN đối với chuyên gia nước ngoài được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 3 và Điều 4, Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-KHĐT-BTC nêu trên.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Viện Khoa học Lao động và Xã hội được biết và thực hiện./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng: TKT 6;
- Lưu: VT, TTHT(2).

Mai Sơn

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn